PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO
TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẤN
*****

BẢNG KÊ THỰC PHẨM

Ngày 27 tháng 03 năm 2025

- Người mua hàng: .....

- Chức vụ: .....

STT	TÊN THỰC PHẨM	Đơn vị tính	Số lượng (kg)					Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		Ghi chú
			Tổng số	Khẩu phần mẫu		Khẩu phần thường					
				MG	NT	MG	NT		MG	NT	
1	Sữa bột toàn phần	Kg	4,50			3,82	0,68	275.400	1.052.028	187.272	
2	Gạo tẻ máy	Kg	21,70			19,10	2,60	25.200	481.320	65.520	
3	Thịt gà ta	Kg	7,00			6,35	0,65	178.500	1.133.475	116.025	
4	Thit lợn mông	Kg	6,60			5,80	0,80	144.900	840.420	115.920	
5	Khoai tây	Kg	2,70			2,15	0,55	25.200	54.180	13.860	
6	Cà rốt	Kg	1,60			1,40	0,20	23.100	32.340	4.620	
7	Bí ngô	Kg	2,00			1,85	0,15	23.100	42.735	3.465	
8	Cà chua	Kg	1,80			1,65	0,15	27.300	45.045	4.095	
9	Nấm hương khô	Kg	0,10			0,08	0,02	325.500	26.040	6.510	
10	Cải xanh	Kg	7,50			6,70	0,80	29.400	196.980	23.520	
11	Thit lợn mông	Kg	1,90			1,70	0,20	144.900	246.330	28.980	
12	Gừng tươi	Kg	0,10			0,08	0,02	52.500	4.200	1.050	
13	Hành lá (hành hoa)	Kg	0,20			0,18	0,02	52.500	9.450	1.050	
14	Rau mùi	Kg	0,20			0,18	0,02	75.600	13.608	1.512	
15	Dầu đậu tương	Kg	1,50			1,20	0,30	71.280	85.536	21.384	
16	Bột canh	Kg	0,80			0,72	0,08	29.160	20.995	2.333	
17	Nước mắm cá	Kg	0,20			0,18	0,02	25.920	4.666	518	
18	Hành củ tươi	Kg	0,09			0,07	0,02	73.500	5.145	1.470	
19	Dưa hấu	Kg	20,00			17,00	3,00	25.200	428.400	75.600	
20	Bún	Kg	26,30			26,30		18.360	482.868		
21	Cua đồng	Kg	2,50			2,50		178.500	446.250		
22	Thit lợn mông	Kg	2,00			2,00		144.900	289.800		
23	Cà chua	Kg	2,00			2,00		27.300	54.600		
24	Quả chua me	Kg	0,70			0,70		46.200	32.340		
25	Bánh đa	Kg	2,20				2,20	28.080		61.776	
26	Thịt bò loại 1	Kg	0,70				0,70	294.000		205.800	
27	Thit lợn mông	Kg	0,80				0,80	144.900		115.920	
	Cộng								**6.028.751**	**1.058.200**	
	Tổng cộng								**7.086.951**		

Người phụ trách	Kế toán	Người nhận	Người mua
Nguyễn Thị Lưu		Nguyễn Thị Thái Thụy	

TÀI LIỆU ĐÃ BÁN
Được tải về từ hệ thống eSoftware.vn
bởi Nguyễn Thị Lưu (0313-530 ... Mầm non Quốc Tuấn

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN AN LÃO

TRƯỜNG MẦM NON QUỐC TUẤN

*****

BẢNG TÍNH ĐỊNH LƯỢNG KHẨU PHẦN ĂN

Ngày 27 tháng 03 năm 2025

*** Tổng số suất ăn: 308** **- 3 tuổi: 52** **- Cháo:**

Trong đó: + Mẫu giáo: 262 **- 4 tuổi: 99** **+ Nhà trẻ: 46** **- Cơm nát:**

- 5 tuổi: 111 **- Cơm thường: 46**

STT	TÊN THỰC PHẨM	Số lượng (kg)		Quy đổi (kg)		Chất dinh dưỡng (g)										Calo	
						P				L				G			
						ĐV		TV		ĐV		TV					
		MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT	MG	NT
1	Sữa bột toàn phần	3,82	0,68	3,82	0,68	1.031,4	183,6			993,2	176,8			1.451,6	258,4	18.870,8	3.359,2
2	Gạo tẻ máy	19,10	2,60	19,10	2,60			1.508,9	205,4			191,0	26,0	14.496,9	1.973,4	65.704,0	8.944,0
3	Thịt gà ta	6,35	0,65	3,05	0,31	618,7	63,3			399,3	40,9					6.065,5	620,9
4	Thit lợn mông	5,80	0,80	5,68	0,78	1.080,0	149,0			2.120,1	292,4					19.098,2	2.634,2
5	Khoai tây	2,15	0,55	1,87	0,48			37,4	9,6			1,9	0,5	390,9	100,0	1.739,6	445,0
6	Cà rốt	1,40	0,20	1,25	0,18			18,8	2,7			2,5	0,4	97,7	14,0	488,7	69,8
7	Bí ngô	1,85	0,15	1,51	0,12			4,5	0,4			1,5	0,1	92,2	7,5	408,1	33,1
8	Cà chua	1,65	0,15	1,57	0,14			9,4	0,9			3,1	0,3	62,7	5,7	313,5	28,5
9	Nấm hương khô	0,08	0,02	0,07	0,02			25,9	6,5			2,9	0,7	16,9	4,2	197,3	49,3
10	Cải xanh	6,70	0,80	5,09	0,61			86,6	10,3			10,2	1,2	96,7	11,6	814,7	97,3
11	Thit lợn mông	1,70	0,20	1,67	0,20	316,5	37,2			621,4	73,1					5.597,8	658,6
12	Gừng tươi	0,08	0,02	0,08	0,02			0,3	0,1			0,6	0,2	4,1	1,0	23,2	5,8
13	Hành lá (hành hoa)	0,18	0,02	0,14	0,02			1,9	0,2					6,2	0,7	31,7	3,5
14	Rau mùi	0,18	0,02	0,15	0,02			4,0	0,4			0,8	0,1	0,3	0,0	24,5	2,7
15	Dầu đậu tương	1,20	0,30	1,20	0,30							1.200,0	300,0			10.800,0	2.700,0
16	Bột canh	0,72	0,08	0,72	0,08												
17	Nước mắm cá	0,18	0,02	0,18	0,02	9,2	1,0			0,0	0,0			6,5	0,7	63,0	7,0
18	Hành củ tươi	0,07	0,02	0,05	0,02			0,7	0,2			0,2	0,1	2,3	0,7	13,8	4,0
19	Dưa hấu	17,00	3,00	8,84	1,56			106,1	18,7			17,7	3,1	203,3	35,9	1.414,4	249,6
20	Bún	26,30		26,30				447,1						6.759,1		28.930,0	
21	Cua đồng	2,50		0,78		95,3				25,6				15,5		674,3	
22	Thit lợn mông	2,00		1,96		372,4				731,1						6.585,6	
23	Cà chua	2,00		1,90				11,4				3,8		76,0		380,0	
24	Quả chua me	0,70		0,60				11,3						28,6		160,7	
25	Bánh đa		2,20		2,20				156,2				50,6		1.091,2		4.312,0
26	Thịt bò loại 1		0,70		0,69		144,1				26,1						809,5
27	Thit lợn mông		0,80		0,78		149,0				292,4						2.634,2
	Cộng					**3.523,5**	**727,2**	**2.274,3**	**411,5**	**4.890,7**	**901,7**	**1.436,2**	**383,2**	**23.807,6**	**3.504,9**	**168.399,2**	**27.668,2**
	Bình quân thực tế /1 trẻ					**13,4**	**15,8**	**8,7**	**8,9**	**18,7**	**19,6**	**5,5**	**8,3**	**90,9**	**76,2**	**642,7**	**601,5**
	Thấp: MG:P:13%,L:25%,G:52%;NT: P:13%,L:30%,G:					**11,7**	**11,4**	**7,8**	**7,6**	**11,6**	**13,6**	**5,0**	**5,8**	**78,0**	**68,8**	**615,0**	**600,0**
	Cao: MG:P:20%,L:35%,G:60%;NT: P:20%,L:40%,G:5					**21,3**	**19,1**	**14,2**	**12,7**	**19,1**	**19,6**	**8,2**	**8,4**	**106,2**	**79,4**	**726,0**	**651,0**

Quyết toán trong ngày

- Tiêu chuẩn được chi:	7.084.000 đ
- Hôm trước mang sang:	11.473 đ
- Đã chi:	7.086.951 đ
- Thừa:	
- Thiếu:	2.951 đ
- Luỹ kế:	8.522 đ

Thực đơn

*** Bữa sáng:**	- Cơm,thịt gà thịt lợn om nấm
	- Canh rau cải ngọt nấu thịt băm/ Dưa
*** Bữa chiều:**	- MG: Bún riêu cua
	- NT: Bánh đa thịt bò
***Ăn giữa giờ:**	- Sữa bột Shizu